

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Thành phố Sa Đéc, ngày 02 tháng 6 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I	QUY ĐỊNH CHUNG	3
<i>Điều 1.</i>	<i>Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</i>	3
<i>Điều 2.</i>	<i>Giải thích thuật ngữ</i>	3
CHƯƠNG II	TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
<i>Điều 3.</i>	<i>Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông</i>	4
<i>Điều 4.</i>	<i>Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</i>	5
<i>Điều 5.</i>	<i>Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu</i>	5
<i>Điều 6.</i>	<i>Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	6
<i>Điều 7.</i>	<i>Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</i>	6
<i>Điều 8.</i>	<i>Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông</i>	6
<i>Điều 9.</i>	<i>Họp trực tuyến hoặc các hình thức điện tử khác</i>	7
<i>Điều 10.</i>	<i>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</i>	7
CHƯƠNG III	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
<i>Điều 11.</i>	<i>Thành lập Hội đồng quản trị</i>	7
<i>Điều 12.</i>	<i>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</i>	8
<i>Điều 13.</i>	<i>Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</i>	8
<i>Điều 14.</i>	<i>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</i>	8
<i>Điều 15.</i>	<i>Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị</i>	9
<i>Điều 16.</i>	<i>Cuộc họp Hội đồng quản trị</i>	9
<i>Điều 17.</i>	<i>Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch</i>	9
CHƯƠNG IV	BAN KIỂM SOÁT	10
<i>Điều 18.</i>	<i>Kiểm soát viên</i>	10
<i>Điều 19.</i>	<i>Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</i>	11
<i>Điều 20.</i>	<i>Cách thức bầu Kiểm soát viên</i>	11
<i>Điều 21.</i>	<i>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</i>	11
<i>Điều 22.</i>	<i>Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</i>	12
CHƯƠNG V	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
<i>Điều 23.</i>	<i>Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</i>	12
CHƯƠNG VI	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT	13
<i>Điều 24.</i>	<i>Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</i>	13
<i>Điều 25.</i>	<i>Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc</i>	14

Điều 26. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc 15

CHƯƠNG VII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 15

Điều 27. Tiêu chuẩn đánh giá..... 15

Điều 28. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật..... 16

CHƯƠNG VIII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY 16

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc..... 16

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan..... 17

Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty..... 18

CHƯƠNG IX : NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 18

Điều 32. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty..... 18

Điều 33. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 18

Điều 34. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty..... 18

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty..... 18

CHƯƠNG X : CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH..... 19

Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên..... 19

Điều 37. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty..... 19

Điều 38. Công bố thông tin về các cổ đông lớn..... 19

Điều 39. Tổ chức công bố thông tin..... 20

CHƯƠNG XI : TỔ CHỨC THỰC HIỆN..... 20

Điều 40. Báo cáo 20

Điều 41. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung..... 20

11 41 N C 4 G / 11

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHCD
Ngày 02 tháng 06 năm 2021)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty.

2. Quy chế này được xây dựng dựa theo “Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng” được quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính và Điều lệ của Công ty cũng như cập nhật các quy định mới tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b) “Công ty” là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Sa Giang.

c) “Điều lệ Công ty” có nghĩa là Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2021.

d) “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

e) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

f) “Người điều hành” là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và Người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc bổ nhiệm.

g) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 Luật chứng khoán.

h) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn hoặc bổ nhiệm.

i) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:¹

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ.

j) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

¹ Cập nhật theo Điều 155.2 Luật Doanh nghiệp mới.

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18 và 19 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp.

2. Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự tại Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Đại diện theo ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- a) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- b) Giấy ủy quyền.

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và/hoặc phiếu bầu cử.

Điều 5. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện. Mỗi Thẻ/Phiếu biểu quyết có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện và có đóng dấu treo của Công ty. Mỗi Phiếu bầu cử có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu và có đóng dấu treo của Công ty.

a) Cách thức nộp “Phiếu biểu quyết”: Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn đối với từng nội dung biểu quyết (Có 03 ý kiến để lựa chọn là tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Cách thức này dùng để thông qua các báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

b) Cách thức nộp “Phiếu bầu cử”: Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Cách thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

c) Cách thức giơ “Thẻ biểu quyết”: Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Cách thức này dùng để thông qua các nội dung khác trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội.

2. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự và kiểm tra số Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét thông báo tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chọn ra ít nhất một thư ký để ghi biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được xem là bằng chứng xác thực về những công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (nếu có), văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 8. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN);
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK).

2. Việc công bố thông tin trên Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 9. Hợp trực tuyến hoặc các hình thức điện tử khác

Khi điều kiện cho phép và/hoặc hoàn cảnh yêu cầu, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty sẽ áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể đăng ký, tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp như vậy, việc đăng ký, tham dự, phát biểu ý kiến, bỏ phiếu, kiểm phiếu sẽ được thực hiện sao cho các mục đích của các quy định tại Điều 3, 4, 5 và 6 của Quy chế này cơ bản đạt được.

Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Thành lập Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 03 (ba) đến 07 (bảy) người, trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân với Công ty, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

4. Việc kê khai các lợi ích quy định tại khoản 3 điều này phải được thực hiện trong bảy (07) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung tương ứng.

5. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu. Giá trị biểu quyết của phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện.

2. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

a) Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị do có thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quy định. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bãi nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bãi nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm: Thông báo họp; các điều kiện tổ chức cuộc họp; Cách thức biểu quyết; Cách thức thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị; Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị; thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị; Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm điều hành các công tác của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp, xem xét và quyết định các công tác quản trị của Công ty theo các quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế này và các quyền và nghĩa vụ khác được cho phép theo quy chế này và các quy chế của Công ty.

2. Chủ tịch có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, dù là thường niên hay bất thường;

b) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; tổ chức việc chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng quản trị để bàn và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

d) Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường. Phê duyệt hình thức và nội dung phiếu biểu quyết;

e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua biên bản hoặc nghị quyết tại cuộc họp hoặc gián tiếp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn

bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp;

f) Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Công ty; theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các tiểu ban và hội đồng của Hội đồng quản trị tối thiểu 01 năm một lần, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị trước khi tái bổ nhiệm hoặc bãi miễn;

g) Kiểm tra, giám sát và đôn đốc Người điều hành trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch, các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và việc thực hiện các quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế và việc quản trị Công ty;

h) Quyết định các vấn đề sau đây nhưng phải thông thông báo lại cho các thành viên Hội đồng Quản trị để biết về những quyết định trong cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất:

- Quyết định việc thành lập, thay đổi hoặc giải thể các bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự các bộ phận này;

- Thay mặt Hội đồng quản trị ký, sửa đổi, bổ sung hoặc thanh lý hợp đồng lao động với các Người điều hành;

- Quyết định các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp có vốn góp của Công ty theo sự uỷ quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của quy chế này; và

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy chế khác của Công ty.

3. Ngoài những vấn đề quy định tại Điều 17.2, trên cơ sở Điều 27 của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phân cấp và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt quyết định nhưng phải báo cáo lại Hội đồng quản trị tại phiên họp tiếp theo về các quyết định đó.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

4. Kiểm soát viên phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty.

5. Quyền lợi, nghĩa vụ của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- f) Các thông tin khác (nếu có).

3. Các ứng viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 20. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu cử Kiểm soát viên được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông đó có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Công ty công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có).

**CHƯƠNG V
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN
THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 23. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty. Các tiểu ban gồm:

- 1. Tiểu ban chính sách phát triển:
 - a) Thành viên của Tiểu ban ít nhất là 03 người. Trưởng Tiểu ban là thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành; các thành viên khác là thành viên Hội đồng quản trị và có thể là thành viên bên ngoài.
 - b) Tiểu ban chính sách phát triển có nhiệm vụ: xây dựng, hoạch định các chiến lược, chính sách phát triển về thị trường; sản phẩm mới; công nghệ; tài chính tiền tệ và đầu tư.
- 2. Tiểu ban nhân sự, lương thưởng
 - a) Về cơ cấu nhân sự tương tự như quy định tại điểm a) khoản 1 điều này.
 - b) Tiểu ban nhân sự, lương thưởng có nhiệm vụ:
 - Đề xuất các tiêu chí về phẩm chất và năng lực của thành viên bộ máy quản lý; việc bổ nhiệm, đánh giá, bãi nhiệm các thành viên này.

- Đề xuất định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên hội đồng quản trị và bộ máy quản lý. Đưa ra các chỉ tiêu đánh giá liên quan đến việc thưởng hoạt động của bộ máy quản lý.

CHƯƠNG VI

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

1. Các tiêu chuẩn để chọn lựa Người điều hành

- a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tính trung thực.
- b) Có trình độ chuyên môn đại học trở lên. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
- c) Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong công việc.
- d) Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý.
- e) Thể hiện sự mẫn cán trong công việc.

2. Việc bổ nhiệm Người điều hành

a) Người đáp ứng các tiêu chuẩn trên được xem xét bổ nhiệm vào các chức danh quản lý, đảm đương những vị trí quan trọng trong Công ty.

b) Thẩm quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Tổng Giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh điều hành khác trong Công ty theo sự phân cấp của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm này phải phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. Tổng giám đốc quyết định sau khi tổ chức lấy ý kiến tham khảo với các Phó Tổng giám đốc và Bộ phận nhân sự.

c) Thời hạn bổ nhiệm: Đối với Tổng giám đốc là 03 năm, đối với Người điều hành khác từ 01-03 năm.

3. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động.

4. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành

Miễn nhiệm Người điều hành khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

- a) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- b) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- c) Vi phạm nội quy, quy chế Công ty;

- d) Phẩm chất đạo đức kém, ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp của Công ty;
- e) Tư lợi cá nhân;
- f) Có đơn xin từ chức.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành của Công ty được thông báo trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đối tác và cán bộ quản lý cấp trung gian trong toàn Công ty.

Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua, quyết định;

b) Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác đi;

c) Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành;

d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e) Chậm nhất là 15/11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 26. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban kiểm soát.

b) Bản sao các biên bản họp, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty để báo cáo lên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị họp mỗi quý đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 27. Tiêu chuẩn đánh giá

1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc.

a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, đảm bảo mang lại lợi ích thiết thực, chính đáng cho các cổ đông, cán bộ, nhân viên và vì sự phát triển của Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với Người điều hành khác

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực.

b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mảng công việc được phân công phụ trách.

c) gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống.

d) Không bị kỷ luật từ khiئ trách trở lên.

Điều 28. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng:

- Tùy vào thành tích và mức độ đóng góp của từng thành viên mà áp dụng các hình thức khen thưởng. Công ty xây dựng quy chế khen thưởng phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

2. Kỷ luật:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng giám đốc và Người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những tổn hại do mình gây ra.

- Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với thành viên Ban Tổng giám đốc Người điều hành khác thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Tổng giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó

theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới những người nêu trên, trừ trường hợp:

a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của những người nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b) Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; hoặc

c) Pháp luật có quy định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan, trừ trường hợp:

a) Công ty và tổ chức là tổ chức có liên quan của cổ đông nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b) Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; hoặc

c) Pháp luật có quy định khác.

Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 32. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

- Có hiểu biết về pháp luật, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán;
- Có trình độ học vấn đại học trở lên;
- Am hiểu hoạt động của Công ty;
- Có kỹ năng tổ chức, phân tích, tính trách nhiệm cao;
- Có tính linh hoạt, sáng tạo, tỉ mỉ;
- Được đào tạo về quản trị Công ty;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 33. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty. Số lượng Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

- Hội đồng quản trị sẽ ban hành nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty là 5 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

Điều 34. Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.

CHƯƠNG X : CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 36. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 37. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty

1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b) Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
- d) Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có);
- e) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
- f) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc;
- g) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
- h) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 38. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);
- b) Địa chỉ liên lạc;
- c) Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);

- d) Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty;
- e) Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
- f) Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của Công ty;
- g) Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các cổ đông lớn.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 39. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b) Đồng thời phân công ít nhất một cán bộ phụ trách về công bố thông tin.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
 - d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị ban hành trước đây của Công ty.
2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ vướng mắc, phát sinh hoặc có sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xem xét thay đổi cho phù hợp.

